

# CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN NAIL & SPA CHU LAVENDER

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN NAIL & SPA CHU LAVENDER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHU LAVENDER NAIL & SPA ACADEMY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHU LAVENDER NAIL & SPA ACADEMY., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107935905

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 81 Nguyễn Đồng Chi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942056165

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh. | 7730     |
| 2.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về công nghệ<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;<br>- Hoạt động phiên dịch; dịch thuật                                                                                                                                                                                                                                                   | 7490     |
| 3.  | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết:<br>- Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ;<br>- Cắt, tỉa và cạo râu;<br>- Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...                                                                                                                                                                                                | 9631     |
| 4.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)                                                                                                                                                                                                                    | 9610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 6.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4772 |
| 7.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;<br>- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn;<br>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;<br>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;<br>- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4789 |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy hàn điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn thiết bị, vật tư tiêu hao trong ngành điện, ngành luyện kim và các ngành công nghiệp<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.<br>- Bán buôn trang thiết bị máy móc, dụng cụ, phụ liệu chuyên ngành về làm đẹp;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; | 4659 |
| 9.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1410 |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1420 |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1430 |
| 12. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1512 |
| 13. | Sản xuất giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1520 |
| 14. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất búp bê và quần áo, phụ kiện cho búp bê;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3240 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như :<br>+ Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn,<br>- Sản xuất bàn chải giày, quần áo;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3290 |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641 |
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4771 |
| 18. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4782 |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;<br>- Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức;<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác;<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;<br>- Bán lẻ trang thiết bị máy móc, dụng cụ, phụ liệu chuyên ngành về làm đẹp;<br>- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào. | 4773 |
| 20. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ...;<br>- Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng;<br>- Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ);<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4799 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610 |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Hoạt động Thương mại điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4719 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, gồm:<br>- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ;<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;<br>- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;<br>- Lai dắt, cứu hộ đường bộ; Hoá lỏng khí để vận chuyển.                                                                                                                                                                                                                                | 5221 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710        |
| 26. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Đào tạo nghề làm móng, trang điểm, chăm sóc da.                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8532(Chính) |
| 27. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8552        |
| 28. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo kỹ năng sống<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,                                                        | 8560        |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                    | 7410        |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                         | 4932        |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không;<br>- Môi giới thuê tàu biển và máy bay;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá | 5229 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 35. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5224 |
| 36. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6619 |
| 37. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.                                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ nhận ủy thác xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa.<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI MINH HOA   | Tổ 17, Tập thể Đại học Sân khấu điện ảnh, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 170.000    | 1.700.000.000         | 34,000    | B1735380                                                                                    |         |
|     |                |                                                                                                      | Tổng số           | 170.000    | 1.700.000.000         | 34,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRINH THI THÊM | P318-CT5-KĐT Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 165.000    | 1.650.000.000         | 33,000    | 036180001549                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                      | Tổng số           | 165.000    | 1.650.000.000         | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HÀ LINH | Tổ 2, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông | 165.000    | 1.650.000.000         | 33,000    | 017229760                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                      | Tổng số           | 165.000    | 1.650.000.000         | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI MINH HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B1735380

Ngày cấp: 18/01/2008

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, Tập thể Đại học Sân khấu điện ảnh, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 17, Tập thể Đại học Sân khấu điện ảnh, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 26/07/2017 đến ngày 25/08/2017

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội